

Số: 29 /TTr- SVHTTDL

Hung Yên, ngày 24 tháng 2 năm 2020

TỜ TRÌNH

Đề nghị ban hành Quyết định quy định một số chế độ đối với vận động viên, huấn luyện viên và chi tiêu tài chính đối với các giải thi đấu thể thao của tỉnh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HUNG YÊN

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HUNG YÊN	Số: 29/2020
	Ngày: 20/2/2020
	Chuyên: P. Hưng
	Lưu hồ sơ:

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch kính trình Ủy ban nhân dân tỉnh Quyết định quy định chế độ vận động viên, huấn luyện viên và chi tiêu tài chính các giải thể thao tỉnh như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH VĂN BẢN

Trong những năm qua, công tác TDTT đã có bước phát triển tích cực. Phong trào thể thao quần chúng của tỉnh có bước phát triển mạnh mẽ cả về chất và lượng, số người tham gia tập luyện TDTT, số câu lạc bộ, điểm nhóm tập tăng. Phong trào TDTT trong lực lượng vũ trang, học sinh sinh viên được duy trì; phong trào TDTT trong khu vực nông thôn phát triển mạnh mẽ; công tác tổ chức các giải thể thao cấp tỉnh quy mô, bài bản hơn; công tác xã hội hóa TDTT ở cơ sở có bước chuyển lớn khi có nhiều tập thể, cá nhân dành tiền, đất để đầu tư xây dựng sân tập, điểm tập. Thể thao thành tích cao đạt nhiều kết quả, VĐV, HLV của tỉnh đã nỗ lực tập luyện, thi đấu, giành được nhiều huy chương tại các giải thể thao quốc gia, quốc tế (trung bình trên 100 huy chương các loại một năm), có thứ hạng khá cao qua các kỳ Đại hội TDTT toàn quốc (Đại hội TDTT lần thứ VIII năm 2018 vượt lên 9 bậc trong bảng xếp hạng của các tỉnh, thành, ngành so với Đại hội lần VII năm 2014). Nhiều lượt VĐV của tỉnh được triệu tập vào các đội dự tuyển quốc gia, đội tuyển trẻ quốc gia, được phong cấp I, dự bị kiện tướng, kiện tướng quốc gia, tham dự giải Quốc tế giành Huy chương. Đội Bóng đá nhi đồng tỉnh giành Ngôi Á quân giải toàn quốc năm 2018, đội Bóng đá Phố Hiến được thăng hạng năm 2018 và đang thi đấu giải hạng Nhất quốc gia năm 2019. Tuy nhiên, các chế độ chính sách ưu đãi cho HLV, VĐV và người làm công tác TDTT của tỉnh đang thực hiện theo Quyết định số 17/2012/QĐ-UBND ngày 8/10/2012 của UBND tỉnh Hưng Yên quy định chế độ đối với VĐV, HLV và chi tiêu tài chính đối với các giải thi đấu thể thao của tỉnh đã không còn phù hợp qua quá trình thực hiện nhiều năm qua.

Căn cứ Nghị quyết số 252/2019/2019/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng Yên khóa XVI, kỳ họp thứ Mười được thông qua ngày 06/12/2019; Nghị định 36/2019/NĐ - CP ngày 29/4/2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Thể dục, Thể thao; Nghị định 152/2018/NĐ - CP ngày 07/11/2018 về quy định một số chế độ đối với HLV, VĐV thể thao trong thời gian tập trung tập huấn và thi đấu; Thông tư số 61/2018/TT - BTC ngày 26/7/2018 quy định nội dung và mức chi để thực hiện chế độ dinh dưỡng đối với HLV, VĐV thể thao thành tích cao; Thông tư số 200/2011/TTLT-BTC-BVHTTDL ngày 30/12/2011 của Bộ Tài chính - Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch quy định chế độ chi

tiêu tài chính đối với các giải thi đấu thể thao.

Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch kính trình UBND tỉnh xem xét quyết định đề kịp thời động viên, khuyến khích VĐV, HLV hăng say tập luyện, công hiến, phấn đấu đạt thành tích cao và thúc đẩy phát triển sâu rộng phong trào thể thao của tỉnh.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG VĂN BẢN

1. Mục đích.

Tạo cơ sở pháp lý để các cơ quan, đơn vị thực hiện lập dự toán và thực hiện nhiệm vụ chi chế độ chính sách, chế độ hỗ trợ, ưu đãi của tỉnh đối với VĐV, HLV các cấp và chi tiêu tài chính các giải thể thao của tỉnh.

2. Quan điểm xây dựng văn bản.

Việc xây dựng quyết định của tỉnh quy định chế độ đối với VĐV, HLV và chi tiêu tài chính đối với các giải thi đấu thể thao của tỉnh đảm bảo đúng quy định của Luật ngân sách, Luật thể dục, thể thao; đảm bảo các quy định của Nghị định 36/2019/NĐ - CP ngày 29/4/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Thể dục, Thể thao; Nghị định 152/NĐ - CP ngày 07/11/2018 của Chính phủ, Thông tư số 61/2018/TT - BTC ngày 26/7/2018, Thông tư số 200/2011/TTLT-BTC-BVHTTDL ngày 30/12/2011 của Bộ Tài chính - Bộ VHTT&DL. Phù hợp với tình hình thực tiễn công tác phát triển sự nghiệp TDTT và phát triển kinh tế xã hội của tỉnh Hưng Yên.

Đảm bảo thực hiện các quy định của Nghị quyết số 252/2019/2019/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng Yên khóa XVI, kỳ họp thứ Mười được thông qua ngày 06/12/2019 và các quy định có liên quan của Trung ương về chế độ chính sách đối với VĐV, HLV và các hoạt động thể dục thể thao.

Tạo cơ chế ưu đãi kịp thời động viên, khích lệ, tạo động lực để HLV, VĐV yên tâm tập luyện, công hiến, phấn đấu thực hiện tốt nhiệm vụ được giao, góp phần nâng cao chất lượng phong trào TDTT của tỉnh, đặc biệt là thúc đẩy thể thao thành tích cao phát triển ngày càng mạnh mẽ.

III. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG CỦA VĂN BẢN

1. Phạm vi điều chỉnh.

Quyết định này quy định nội dung và mức chi để thực hiện chế độ đối với vận động viên, huấn luyện viên và chi tiêu tài chính đối với các giải thể thao của tỉnh.

2. Đối tượng áp dụng.

1. Vận động viên, huấn luyện viên thể thao đang tập luyện, huấn luyện tại Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu thể dục thể thao tỉnh; các đội tuyển thể thao tỉnh, đội tuyển thể thao các huyện, thị xã, thành phố, ngành và cơ sở; vận động viên, huấn luyện viên các lớp năng khiếu thể thao nghiệp dư nâng cao của tỉnh.

2. Vận động viên, huấn luyện viên thể thao làm nhiệm vụ tại các giải thể thao gồm: Đại hội thể dục thể thao toàn quốc, giải vô địch quốc gia từng môn hằng năm, giải thi đấu vô địch trẻ quốc gia, giải cúp quốc gia, giải vô địch các nhóm tuổi, giải thiếu niên nhi đồng, giải A1, hạng nhất, hạng nhì hằng năm từng môn thể thao; giải thi đấu, trận thi đấu do liên đoàn, hiệp hội thể thao quốc gia tổ chức; giải thi đấu thể thao quần chúng, giải thể thao cho người khuyết tật cấp quốc gia; giải thi đấu vô

địch từng môn thể thao của tỉnh; giải thi đấu, trận thi đấu thể thao thành tích cao khác do liên đoàn thể thao tỉnh tổ chức.

3. Thành viên Ban Chỉ đạo, Ban Tổ chức và các tiểu ban chuyên môn Đại hội thể dục thể thao, Hội khỏe Phù đồng và giải thể thao các cấp.

4. Trọng tài, giám sát, thư ký điều hành các trận đấu; Công an, y tế, bảo vệ, nhân viên phục vụ và các lực lượng khác liên quan tại các điểm tổ chức thi đấu.

IV. NỘI DUNG QUY ĐỊNH MỘT SỐ CHẾ ĐỘ ĐỐI VỚI VĐV, HLV VÀ CHI TIÊU TÀI CHÍNH CÁC GIẢI THỂ THAO CỦA TỈNH ĐỀ NGHỊ QUYẾT ĐỊNH NHƯ SAU.

A. Quy định chế độ đối với vận động viên, huấn luyện viên thể thao trên địa bàn tỉnh như sau:

1. Nội dung và mức chi thực hiện chế độ dinh dưỡng

a) Mức chi đối với vận động viên, huấn luyện viên thể thao thành tích cao trong thời gian tập trung tập huấn và thi đấu các giải thể thao khu vực, toàn quốc; vận động viên khuyết tật thuộc địa phương quản lý khi được cấp có thẩm quyền triệu tập tập huấn và thi đấu.

Đơn vị: đồng/người/ngày

TT	Đối tượng hưởng	Trong thời gian tập trung tập huấn	Trong thời gian tập trung thi đấu
1	Đội tuyển tỉnh	220.000	290.000
2	Đội tuyển trẻ tỉnh	175.000	220.000
3	Đội tuyển năng khiếu cấp tỉnh	130.000	220.000
4	Đội tuyển cấp huyện	130.000	220.000
5	Đội tuyển năng khiếu cấp huyện	130.000	220.000

Vận động viên, huấn luyện viên tham gia giải thể thao quần chúng cấp quốc gia; vận động viên, huấn luyện viên các đội tuyển của ngành Giáo dục và Đào tạo tham gia tập huấn và thi đấu các giải vô địch và Hội khỏe Phù Đồng toàn quốc được hưởng chế độ như đội tuyển trẻ cấp tỉnh.

Trong thời gian tập trung tập huấn, thi đấu các giải thể thao khu vực và toàn quốc, vận động viên, huấn luyện viên được hưởng mức chi chế độ dinh dưỡng theo quy định của điều lệ tổ chức giải thì không được hưởng mức chi ăn hàng ngày.

b) Đối với vận động viên, huấn luyện viên Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu thể dục thể thao tỉnh trong thời gian tập luyện, huấn luyện và vận động viên, huấn luyện viên các lớp năng khiếu thể thao nghiệp dư nâng cao của tỉnh.

Vận động viên, huấn luyện viên Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu thể dục thể thao tỉnh (Trừ ngày lễ, tết):

Đơn vị: đồng/người/ngày

TT	Đối tượng hưởng	Mức chi
1	Vận động viên được phong cấp kiện tướng, cấp I; vận động viên đội Bóng chuyền hạng A1, đội mạnh	175.000
2	Vận động viên không có đẳng cấp	130.000

3	Huấn luyện viên trực tiếp huấn luyện	150.000
---	--------------------------------------	---------

Vận động viên, huấn luyện viên các lớp năng khiếu thể thao nghiệp dư nâng cao của tỉnh, thời gian hưởng tối đa không quá 03 ngày/tuần:

Đơn vị: đồng/người/ngày

TT	Đối tượng hưởng	Mức chi
1	Vận động viên	50.000
2	Huấn luyện viên	100.000

2. Nội dung và mức chi hỗ trợ, ưu đãi đối với vận động viên, huấn luyện viên lập thành tích cao khi thi đấu các giải thể thao quốc gia, quốc tế.

a) Vận động viên đạt đẳng cấp quốc gia:

Vận động viên kiện tướng: 2,5 lần mức lương cơ sở/tháng;

Vận động viên dự bị kiện tướng và cấp I: 2,0 lần mức lương cơ sở/tháng.

b) Vận động viên đạt Huy chương Vàng Đại hội TDTT toàn quốc, phá kỷ lục quốc gia và Huy chương vàng Đại hội thể dục thể thao Đông Nam Á (Seagame), Vô địch Đông Nam Á trở lên thì mỗi tháng được hỗ trợ 3,0 lần mức lương cơ sở/tháng.

Thời gian hưởng áp dụng cho các đối tượng trên trong thời hạn 12 tháng kể từ khi quyết định hoặc giấy chứng nhận thành tích.

c) Hỗ trợ sinh hoạt phí dành cho vận động viên được Tổng cục Thể dục thể thao triệu tập tập trung, tập huấn đội dự tuyển quốc gia, tuyển trẻ quốc gia; vận động viên có nhiều công hiến thành tích thể thao cho tỉnh trong thời gian vừa tham gia tập luyện, thi đấu vừa tham gia học tập tích lũy hệ đại học chuyên ngành thể dục thể thao: 50.000đ/người/ngày (Trừ ngày lễ, tết và chủ nhật).

d) Chế độ đối với đội bóng đá chuyên nghiệp.

Thưởng cho mỗi trận thắng khi thi đấu tại giải hạng nhất, vô địch quốc gia (V. League): 50.000.000 đồng/trận;

Thưởng khi đạt thăng hạng thi đấu vô địch quốc gia (V. League) là: 500.000.000 đồng.

đ) Chế độ thưởng đối với đội bóng đá Nhi đồng của tỉnh tham dự thi đấu vòng chung kết toàn quốc; đội bóng chuyên nữ đội mạnh của tỉnh tham dự giải quốc gia:

Thưởng cho mỗi trận thắng trước vòng Bán kết: 50.000.000 đồng/trận;

Thưởng cho trận thắng vòng Bán kết: 100.000.000 đồng/trận;

Thưởng khi giành giải Vô địch: 300.000.000 đồng.

e) Thưởng cho vận động viên của tỉnh giành huy chương vàng, huy chương bạc, huy chương đồng tại các giải thi đấu quốc tế (Thế giới, Châu Á, Đông Nam Á), ngoài các chế độ thưởng của Trung ương, được tỉnh thưởng thêm bằng 30 % mức thưởng của Trung ương.

3. Nội dung và mức chi tiền thưởng cho vận động viên, huấn luyện viên đạt thành tích ở các giải quốc gia, giải thể thao quần chúng cấp quốc gia, đại hội thể dục thể thao toàn quốc, phá kỷ lục quốc gia.

a) Mức thưởng bằng tiền đối với các vận động viên lập thành tích tại đại hội thể dục thể thao toàn quốc, giải thi đấu thể thao quốc gia, phá kỷ lục quốc gia:

Vận động viên phá kỷ lục quốc gia, đại hội thể dục thể thao toàn quốc, kỷ lục quốc tế được thưởng: 10.000.000 đồng/lần phá kỷ lục.

Vận động viên đạt huy chương Đại hội thể dục thể thao toàn quốc:

Đơn vị: đồng

TT	Nội dung	Huy chương Vàng	Huy chương Bạc	Huy chương đồng
1	Đại hội thể dục thể thao toàn quốc	30.000.000	20.000.000	10.000.000

Vận động viên đạt huy chương tại giải vô địch quốc gia:

Đơn vị: đồng

TT	Nội dung	Huy chương Vàng	Huy chương Bạc	Huy chương đồng
1	Giải vô địch quốc gia	15.000.000	10.000.000	8.000.000

Vận động viên đạt huy chương tại các giải thi đấu vô địch trẻ quốc gia và tương đương; mức thưởng được quy định theo lứa tuổi, cụ thể như sau:

Đơn vị: đồng

TT	Nội dung	Huy chương Vàng	Huy chương Bạc	Huy chương đồng
1	Giải dành cho VĐV dưới 12 tuổi	3.000.000	2.000.000	1.600.000
2	Giải dành cho VĐV từ 12 đến dưới 16 tuổi	4.500.000	3.000.000	2.400.000
3	Giải dành cho VĐV từ 16 đến dưới 18 tuổi	6.000.000	4.000.000	3.200.000
4	Giải dành cho VĐV từ 18 đến dưới 21 tuổi	7.500.000	5.000.000	4.000.000

Các môn thể thao tập thể, vận động viên lập thành tích được hưởng mức thưởng bằng số lượng người được thưởng theo quy định của điều lệ giải nhân với mức thưởng tương ứng.

Các môn thể thao có nội dung thi đấu đồng đội thì mức thưởng chung tính cho vận động viên bằng số lượng người được thưởng theo quy định của điều lệ giải nhân với 50% mức thưởng tương ứng.

Đối với các môn, nội dung thi đấu mà thành tích thi đấu được sử dụng để xác định huy chương của các nội dung cá nhân và đồng đội được tính trong cùng một lần thi, thì từ huy chương thứ hai trở lên, mức thưởng chung cho vận động viên bằng số lượng người được thưởng nhân với 50% mức thưởng tương ứng.

Vận động viên đạt được nhiều huy chương trong một giải thi đấu sẽ được thưởng tất cả các huy chương đã đạt được với mức thưởng tương ứng của từng nội dung.

b) Mức thưởng bằng tiền đối với huấn luyện viên có vận động viên đạt thành tích tại các kỳ đại hội thể thao toàn quốc, giải thi đấu thể thao quốc gia:

Đối với nội dung thi đấu cá nhân: Huấn luyện viên trực tiếp đào tạo vận động viên lập thành tích thì được hưởng mức thưởng chung bằng mức thưởng đối với vận động viên.

Đối với môn thể thao có nội dung thi đấu đồng đội: Mức thưởng cho huấn luyện viên trực tiếp đào tạo vận động viên lập thành tích thì được hưởng mức thưởng bằng 50% thưởng tương ứng.

Đối với môn, nội dung thi đấu tập thể: Huấn luyện viên trực tiếp đào tạo đội tuyển thi đấu lập thành tích thì được hưởng mức thưởng chung bằng mức thưởng đối với vận động viên đạt giải nhân với số lượng huấn luyện viên theo quy định như sau:

Dưới 04 vận động viên tham gia thi đấu, mức thưởng chung tính cho 01 huấn luyện viên;

Từ 04 đến 08 vận động viên tham gia thi đấu, mức thưởng chung tính cho 02 huấn luyện viên;

Từ 09 đến 12 vận động viên tham gia thi đấu, mức thưởng chung tính cho 03 huấn luyện viên;

Từ 13 đến 15 vận động viên tham gia thi đấu, mức thưởng chung tính cho 04 huấn luyện viên;

Trên 15 vận động viên tham gia thi đấu, mức thưởng chung tính cho 05 huấn luyện viên.

Tỷ lệ phân chia tiền thưởng được thực hiện theo nguyên tắc: Huấn luyện viên trực tiếp huấn luyện đội tuyển được 60%, huấn luyện viên trực tiếp đào tạo vận động viên ở cơ sở trước khi tham gia đội tuyển được 40%.

c) Vận động viên, huấn luyện viên lập thành tích tại các giải thuộc hệ thống thi đấu thể thao quần chúng cấp quốc gia được thưởng bằng 50% mức thưởng tương ứng cho vận động viên, huấn luyện viên lập thành tích tại các cuộc thi đấu vô địch quốc gia.

d) Huấn luyện viên có nhiều vận động viên đạt được huy chương trong cùng một giải thi đấu sẽ được thưởng tất cả các huy chương đã đạt được với mức tương ứng ở từng nội dung.

4. Nội dung, mức chi chế độ tiền lương, hỗ trợ tập huấn, thi đấu; bảo hiểm xã hội cho vận động viên, huấn luyện viên.

a) Chế độ tiền lương: Mức chi tiền lương một ngày trong thời gian tập trung tập huấn và thi đấu, như sau:

Đơn vị: đồng/người/ngày

TT	Nội dung	Huấn luyện viên	Vận động viên
1	Đội tuyển cấp tỉnh	215.000	180.000
2	Đội tuyển trẻ, năng khiếu cấp tỉnh	180.000	75.000
3	Đội tuyển cấp huyện, thị xã, thành phố	150.000	55.000

Vận động viên, huấn luyện viên đang hưởng lương từ ngân sách nhà nước: Được hưởng nguyên tiền lương đang được hưởng (bao gồm mức lương, phụ cấp lương nếu có) do cơ quan quản lý vận động viên, huấn luyện viên chi trả; Trường

hợp mức tiền lương theo ngày thấp hơn so với mức tiền lương quy định trên thì được cơ quan, tổ chức sử dụng vận động viên, huấn luyện viên chi bù phần chênh lệch để đảm bảo các mức chi quy định tương ứng.

Mức tiền lương tính bình quân theo số ngày làm việc bình thường được xác định bằng tiền lương của tháng trước liền kề trước khi vận động viên, huấn luyện viên được triệu tập tập huấn, thi đấu chia cho 26 ngày.

Vận động viên, huấn luyện viên được hưởng thêm khoản tiền hỗ trợ cho những ngày thực tế tập huấn, thi đấu vượt quá 26 ngày trong tháng. Khoản tiền hỗ trợ được xác định bằng mức tiền trả theo ngày nhân với 200%.

b) Chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp; chế độ thai sản, ốm đau.

Vận động viên, huấn luyện viên trong đội tuyển tỉnh, đội tuyển trẻ của tỉnh trong thời gian tập trung tập huấn, thi đấu được hưởng các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp; chế độ thai sản, ốm đau theo Nghị định 152/2018/NĐ - CP ngày 7/11/2018 về quy định một số chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao trong quá trình tập trung tập huấn và thi đấu.

Vận động viên thuộc Trung tâm huấn luyện và Thi đấu thể dục thể thao tỉnh được Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu thể dục thể thao tỉnh mua bảo hiểm y tế hàng năm theo quy định của pháp luật về bảo hiểm y tế. Mua bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp theo mức lương cơ sở trong thời gian tập trung tập huấn, thi đấu theo quy định của pháp luật về bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.

5. Thuộc bổ tăng lực, nước uống đối với vận động viên thể thao thành tích cao của tỉnh.

Căn cứ vào khả năng ngân sách được cân đối trong dự toán chi sự nghiệp thể dục thể thao hàng năm và đặc thù của từng môn thi đấu, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch quyết định cho từng đối tượng được hưởng ở cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định cho từng đối tượng được hưởng ở cấp huyện.

B. Nội dung và mức chi chế độ chi tiêu tài chính đối với các giải thể thao của tỉnh như sau:

1. Đại hội Thể dục thể thao cấp tỉnh, Giải thể thao cấp tỉnh, Hội khoẻ Phù Đổng cấp tỉnh:

a) Tiền ăn của Ban Chỉ đạo, Ban Tổ chức, các tiểu ban chuyên môn, trọng tài, giám sát điều hành, thư ký các giải trong quá trình tổ chức giải (bao gồm cả thời gian tối đa 02 ngày trước ngày thi đấu để làm công tác chuẩn bị tổ chức giải, tập huấn trọng tài và 01 ngày sau thi đấu): 150.000 đồng/người/ngày.

b) Tiền làm nhiệm vụ:

Đơn vị: đồng/người/ngày

TT	Đối tượng hưởng	Mức chi
1	Ban Chỉ đạo, Ban Tổ chức, Trưởng, phó các tiểu ban chuyên môn	95.000
2	Thành viên tiểu ban chuyên môn	70.000

3	Giám sát, trọng tài chính	70.000
4	Thư ký, trọng tài khác	60.000
5	Công an, y tế; lực lượng làm nhiệm vụ trật tự, bảo vệ, nhân viên phục vụ	50.000

Trường hợp tiền làm nhiệm vụ được tính theo buổi thi đấu hoặc trận thi đấu thì mức thanh toán được tính theo thực tế nhưng không quá 3 buổi hoặc 3 trận đấu/người/ngày.

Đối với các đối tượng thuộc diện hưởng lương từ ngân sách Nhà nước đã được đảm bảo chế độ chi tiêu ăn trong thời gian tham dự giải thi đấu thể thao của tỉnh thì không được thanh toán phụ cấp tiền lưu trú công tác phí theo quy định tại chế độ công tác phí hiện hành trong thời gian tham dự giải thi đấu thể thao.

c) Tổ chức đồng diễn, diễu hành đối với Đại hội Thể dục thể thao cấp tỉnh, Hội khỏe Phù Đổng cấp tỉnh:

Mức chi sáng tác, dàn dựng, đạo diễn các màn đồng diễn: Căn cứ theo hợp đồng kinh tế giữa Ban Tổ chức Đại hội thể dục thể thao cấp tỉnh, Hội khỏe Phù Đổng cấp tỉnh với các cá nhân tổ chức, theo quy định pháp luật.

Bồi dưỡng đối tượng tham gia đồng diễn, diễu hành, xếp hình, xếp chữ:

Đơn vị: đồng/người/ngày

TT	Đối tượng hưởng	Mức chi
1	Người tham gia tập luyện	35.000
2	Người tham gia tổng duyệt	45.000
3	Người tham gia biểu diễn chính thức	80.000
4	Giáo viên quản lý, hướng dẫn	70.000

d) Chế độ tiền thưởng cho vận động viên đạt huy chương tại các giải thể thao cấp tỉnh.

Mức thưởng cho vận động viên đoạt huy chương giải vô địch các môn:

TT	Nội dung	Mức thưởng
1	Huy chương Vàng (Giải Nhất)	2.000.000
2	Huy chương Bạc (Giải Nhì)	1.000.000
3	Huy chương đồng (Giải Ba)	800.000

Giải vô địch nhóm tuổi các môn bằng 50 % mức thưởng đối với giải vô địch các môn.

Giải đồng đội: Mức thưởng chung bằng số vận động viên theo quy định của điều lệ giải nhân với mức thưởng tương ứng của giải cá nhân, nhân với 50%.

Các môn thể thao tập thể: Mức thưởng chung bằng số vận động viên theo quy định của điều lệ giải nhân với mức thưởng tương ứng của giải cá nhân.

Giải toàn đoàn: Bằng 02 lần mức giải thưởng giải cá nhân.

2. Đại hội Thể dục thể thao, giải thể thao do cấp huyện, ngành và cơ sở tổ chức.

Mức chi đối với đại hội thể dục thể thao, giải thể thao do cấp huyện, ngành và cơ sở tổ chức tùy theo điều kiện kinh phí của cấp huyện, ngành và cơ sở nhưng

không vượt quá 75% chế độ quy định của cấp tỉnh đối với cấp huyện, ngành và không vượt quá 50% chế độ quy định của cấp tỉnh đối với cấp cơ sở.

C. Nguồn kinh phí thực hiện.

Nguồn kinh phí thực hiện chi trả chế độ đối với vận động viên, huấn luyện viên và chi tiêu tài chính các giải thể thao của tỉnh được bố trí trong dự toán chi ngân sách nhà nước hàng năm của sự nghiệp thể dục thể thao cấp tỉnh, cấp huyện theo phân cấp quản lý.

VI. THỜI GIAN THỰC HIỆN.

Từ ngày tháng năm 2020.

Trên đây là Tờ trình của Sở VH TT & DL đề nghị UBND tỉnh ban hành Quyết định một số chế độ chính sách đối với VĐV, HLV và chi tiêu tài chính các giải thể thao của tỉnh để thay thế Quyết định số 17/2012/QĐ-UBND ngày 08 ngày tháng 10 năm 2012 của UBND tỉnh Hưng Yên.

(Hồ sơ kèm theo gồm: Dự thảo Quyết định của UBND tỉnh, Báo cáo tổng hợp ý kiến góp ý của các đơn vị, Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp, Báo cáo giải trình tiếp thu ý kiến thẩm định).

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Đ/c Nguyễn Duy Hưng, PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài chính, Sở Tư pháp, Sở Nội vụ;
- Lãnh đạo Sở;
- Văn phòng Sở; Phòng QLTDĐT, Trung tâm HL&TĐTDTT tỉnh;
- Lưu: VT.

GIÁM ĐỐC



Đoàn Văn Hòa



2020/QĐ-UBND

Hưng Yên, ngày tháng năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Quyết định chế độ đối với vận động viên, huấn luyện viên
và chi tiêu tài chính đối với các giải thể thao của tỉnh**

ỦY BAN ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Thể dục, Thể thao ngày 29 tháng 11 năm 2016;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, Thể thao ngày 14 tháng 6 năm 2018;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao;

Căn cứ Nghị định số 152/2018/NĐ-CP ngày 07 tháng 11 năm 2018 về việc Quy định một số chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao trong thời gian tập trung tập huấn và thi đấu;

Căn cứ Thông tư số 61/2018/TT-BTC ngày 26 tháng 7 năm 2018 quy định nội dung và mức chi để thực hiện chế độ dinh dưỡng đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao thành tích cao;

Căn cứ Thông tư số 200/2011/TTLT - BTC - BVHTTDL ngày 30 tháng 12 năm 2011 của Liên bộ Tài chính - Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chế độ chi tiêu tài chính đối với các giải thi đấu thể thao;

Căn cứ Nghị quyết số 252/2019/2019/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng Yên khóa XVI, kỳ họp thứ Mười được thông qua ngày 06/12/2019;

Theo đề nghị của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Tờ trình số /TTr-SVHTTDL - STC ngày / /2019 về việc quy định chế độ đối với vận động viên, huấn luyện viên và chi tiêu tài chính đối với các giải thể thao của tỉnh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định nội dung và mức chi để thực hiện chế độ đối với vận động viên, huấn luyện viên và chi tiêu tài chính đối với các giải thể thao của tỉnh.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Vận động viên, huấn luyện viên thể thao đang tập luyện, huấn luyện tại Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu thể dục thể thao tỉnh; các đội tuyển thể thao tỉnh, đội tuyển thể thao các huyện, thị xã, thành phố, ngành và cơ sở; vận động viên, huấn luyện viên các lớp năng khiếu thể thao nghiệp dư nâng cao của tỉnh.

2. Vận động viên, huấn luyện viên thể thao làm nhiệm vụ tại các giải thể thao gồm: Đại hội thể dục thể thao toàn quốc, giải vô địch quốc gia từng môn hằng năm, giải thi đấu vô địch trẻ quốc gia, giải cúp quốc gia, giải vô địch các nhóm tuổi, giải thiếu niên nhi đồng, giải A1, hạng nhất, hạng nhì hằng năm từng môn thể thao; giải thi đấu, trận thi đấu do liên đoàn, hiệp hội thể thao quốc gia tổ chức; giải thi đấu thể thao quần chúng, giải thể thao cho người khuyết tật cấp quốc gia; giải thi đấu vô địch từng môn thể thao của tỉnh; giải thi đấu, trận thi đấu thể thao thành tích cao khác do liên đoàn thể thao tỉnh tổ chức.

3. Thành viên Ban Chỉ đạo, Ban Tổ chức và các tiểu ban chuyên môn Đại hội thể dục thể thao, Hội khỏe Phù đồng và giải thể thao các cấp.

4. Trọng tài, giám sát, thư ký điều hành các trận đấu; Công an, y tế, bảo vệ, nhân viên phục vụ và các lực lượng khác liên quan tại các điểm tổ chức thi đấu.

Điều 3. Quy định chế độ đối với vận động viên, huấn luyện viên thể thao trên địa bàn tỉnh như sau:

1. Nội dung và mức chi thực hiện chế độ dinh dưỡng:

Đối với vận động viên, huấn luyện viên thể thao thành tích cao trong thời gian tập trung tập huấn và thi đấu các giải thể thao khu vực, toàn quốc; vận động viên khuyết tật thuộc địa phương quản lý khi được cấp có thẩm quyền triệu tập tập huấn và thi đấu. Vận động viên, huấn luyện viên Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu thể dục thể thao tỉnh trong thời gian tập luyện, huấn luyện và vận động viên, huấn luyện viên các lớp năng khiếu thể thao nghiệp dư nâng cao của tỉnh thực hiện theo Điểm a, b Khoản 1 Điều 2 Nghị quyết 252/2019/NQ - HĐND ngày 06/12/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng Yên quy định chế độ đối với vận động viên, huấn luyện viên và chi tiêu tài chính các giải thể thao của tỉnh.

2. Nội dung và mức chi hỗ trợ, ưu đãi đối với vận động viên, huấn luyện viên lập thành tích cao khi thi đấu các giải thể thao quốc gia, quốc tế.

Thực hiện theo Điểm a, b, c, d, đ, e Khoản 2 Điều 2 Nghị quyết 252/2019/NQ - HĐND ngày 06/12/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng Yên quy định chế độ đối với vận động viên, huấn luyện viên và chi tiêu tài chính các giải thể thao của tỉnh.

3. Nội dung và mức chi tiền thưởng cho vận động viên, huấn luyện viên đạt thành tích ở các giải quốc gia, giải thể thao quần chúng cấp quốc gia, đại hội thể dục thể thao toàn quốc, phá kỷ lục quốc gia.

a) Mức thưởng bằng tiền đối với các vận động viên lập thành tích tại đại hội thể dục thể thao toàn quốc, giải thi đấu thể thao quốc gia, phá kỷ lục quốc gia:

Vận động viên phá kỷ lục quốc gia, đại hội thể dục thể thao toàn quốc, kỷ lục quốc tế được thưởng: 10.000.000 đồng/lần phá kỷ lục.

Vận động viên đạt huy chương Đại hội thể dục thể thao toàn quốc:

Đơn vị: đồng

TT	Nội dung	Huy chương Vàng	Huy chương Bạc	Huy chương đồng
1	Đại hội thể dục thể thao toàn quốc	30.000.000	20.000.000	10.000.000

Vận động viên đạt huy chương tại giải vô địch quốc gia:

Đơn vị: đồng

TT	Nội dung	Huy chương Vàng	Huy chương Bạc	Huy chương đồng
1	Giải vô địch quốc gia	15.000.000	10.000.000	8.000.000

Vận động viên đạt huy chương tại các giải thi đấu vô địch trẻ quốc gia và tương đương; mức thưởng được quy định theo lứa tuổi, cụ thể như sau:

Đơn vị: đồng

TT	Nội dung	Huy chương Vàng	Huy chương Bạc	Huy chương đồng
1	Giải dành cho VĐV dưới 12 tuổi	3.000.000	2.000.000	1.600.000
2	Giải dành cho VĐV từ 12 đến dưới 16 tuổi	4.500.000	3.000.000	2.400.000
3	Giải dành cho VĐV từ 16 đến dưới 18 tuổi	6.000.000	4.000.000	3.200.000
4	Giải dành cho VĐV từ 18 đến dưới 21 tuổi	7.500.000	5.000.000	4.000.000

Các môn thể thao tập thể, vận động viên lập thành tích được hưởng mức thưởng bằng số lượng người được thưởng theo quy định của điều lệ giải nhân với mức thưởng tương ứng.

Các môn thể thao có nội dung thi đấu đồng đội thì mức thưởng chung tính cho vận động viên bằng số lượng người được thưởng theo quy định của điều lệ giải nhân với 50% mức thưởng tương ứng.

Đối với các môn, nội dung thi đấu mà thành tích thi đấu được sử dụng để xác định huy chương của các nội dung cá nhân và đồng đội được tính trong cùng một lần thi, thì từ huy chương thứ hai trở lên, mức thưởng chung cho vận động viên bằng số lượng người được thưởng nhân với 50% mức thưởng tương ứng.

Vận động viên đạt được nhiều huy chương trong một giải thi đấu sẽ được thưởng tất cả các huy chương đã đạt được với mức thưởng tương ứng của từng nội dung.

b) Mức thưởng bằng tiền đối với huấn luyện viên có vận động viên đạt thành tích tại các kỳ đại hội thể thao toàn quốc, giải thi đấu thể thao quốc gia:

Đối với nội dung thi đấu cá nhân: Huấn luyện viên trực tiếp đào tạo vận động viên lập thành tích thì được hưởng mức thưởng chung bằng mức thưởng đối với vận động viên.

Đối với môn thể thao có nội dung thi đấu đồng đội: Mức thưởng cho huấn luyện viên trực tiếp đào tạo vận động viên lập thành tích thì được hưởng mức thưởng bằng 50% thưởng tương ứng.

Đối với môn, nội dung thi đấu tập thể: Huấn luyện viên trực tiếp đào tạo đội tuyển thi đấu lập thành tích thì được hưởng mức thưởng chung bằng mức thưởng đối với vận động viên đạt giải nhân với số lượng huấn luyện viên theo quy định như sau:

Dưới 04 vận động viên tham gia thi đấu, mức thưởng chung tính cho 01 huấn luyện viên;

Từ 04 đến 08 vận động viên tham gia thi đấu, mức thưởng chung tính cho 02 huấn luyện viên;

Từ 09 đến 12 vận động viên tham gia thi đấu, mức thưởng chung tính cho 03 huấn luyện viên;

Từ 13 đến 15 vận động viên tham gia thi đấu, mức thưởng chung tính cho 04 huấn luyện viên;

Trên 15 vận động viên tham gia thi đấu, mức thưởng chung tính cho 05 huấn luyện viên.

Tỷ lệ phân chia tiền thưởng được thực hiện theo nguyên tắc: Huấn luyện viên trực tiếp huấn luyện đội tuyển được 60%, huấn luyện viên trực tiếp đào tạo vận động viên ở cơ sở trước khi tham gia đội tuyển được 40%.

c) Vận động viên, huấn luyện viên lập thành tích tại các giải thuộc hệ thống thi đấu thể thao quần chúng cấp quốc gia được thưởng bằng 50% mức thưởng tương ứng cho vận động viên, huấn luyện viên lập thành tích tại các cuộc thi đấu vô địch quốc gia.

d) Huấn luyện viên có nhiều vận động viên đạt được huy chương trong cùng một giải thi đấu sẽ được thưởng tất cả các huy chương đã đạt được với mức tương ứng ở từng nội dung.

4. Một số chế độ đối với vận động viên, huấn luyện viên trong thời gian tập trung tập huấn, thi đấu (tiền lương; tiền hỗ trợ tập huấn, thi đấu; bảo hiểm xã hội; bảo hiểm y tế; bảo hiểm thất nghiệp; bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp; bảo hiểm khi tập huấn, thi đấu ở nước ngoài đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao trong thời gian tập trung tập huấn, thi đấu.

Thực hiện theo Điều 3, 4, 5, 6, 7 Nghị định 152/NĐ - CP ngày 07/11/2018 của Chính phủ quy định một số chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao trong thời gian tập trung tập huấn, thi đấu theo quy định.

5. Thuốc bổ tăng lực, nước uống đối với vận động viên thể thao thành tích cao của tỉnh.

Căn cứ vào khả năng ngân sách được cân đối trong dự toán chi sự nghiệp thể dục thể thao hàng năm và đặc thù của từng môn thi đấu, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch quyết định cho từng đối tượng được hưởng ở cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định cho từng đối tượng được hưởng ở cấp huyện.

Điều 4. Nội dung và mức chi chế độ chi tiêu tài chính đối với các giải thể thao của tỉnh như sau:

1. Đại hội Thể dục thể thao cấp tỉnh, Giải thể thao cấp tỉnh, Hội khoẻ Phù Đổng cấp tỉnh:

a) Tiền ăn của Ban Chỉ đạo, Ban Tổ chức, các tiểu ban chuyên môn, trọng tài, tiền làm nhiệm vụ, tổ chức đồng diễn, diễu hành.

Thực hiện theo Điểm a, b, c Khoản 1 Điều 3 Nghị quyết 252/2019/NQ - HĐND ngày 06/12/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng Yên quy định chế độ đối với vận động viên, huấn luyện viên và chi tiêu tài chính các giải thể thao của tỉnh.

b) Chế độ tiền thưởng cho vận động viên đạt huy chương tại các giải thể thao cấp tỉnh.

Mức thưởng cho vận động viên đoạt huy chương giải vô địch các môn:

TT	Nội dung	Mức thưởng
1	Huy chương Vàng (Giải Nhất)	2.000.000
2	Huy chương Bạc (Giải Nhì)	1.000.000
3	Huy chương đồng (Giải Ba)	800.000

Giải vô địch nhóm tuổi các môn bằng 50 % mức thưởng đối với giải vô địch các môn.

Giải đồng đội: Mức thưởng chung bằng số vận động viên theo quy định của điều lệ giải nhân với mức thưởng tương ứng của giải cá nhân, nhân với 50%.

Các môn thể thao tập thể: Mức thưởng chung bằng số vận động viên theo quy định của điều lệ giải nhân với mức thưởng tương ứng của giải cá nhân.

Giải toàn đoàn: Bằng 02 lần mức giải thưởng giải cá nhân.

2. Đại hội Thể dục thể thao, giải thể thao do cấp huyện, ngành và cơ sở tổ chức.

Thực hiện theo Khoản 2 Điều 3 Nghị quyết 252/2019/NQ - HĐND ngày 06/12/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng Yên quy định chế độ đối với vận động viên, huấn luyện viên và chi tiêu tài chính các giải thể thao của tỉnh.

Điều 5. Nguồn kinh phí thực hiện.

Nguồn kinh phí thực hiện chi trả chế độ đối với vận động viên, huấn luyện viên và chi tiêu tài chính các giải thể thao của tỉnh được bố trí trong dự toán chi ngân sách nhà nước hàng năm của sự nghiệp thể dục thể thao cấp tỉnh, cấp huyện theo phân cấp quản lý.

Điều 6. Trách nhiệm và hiệu lực thi hành.

1. Giám đốc Sở Tài chính hướng dẫn chi tiết thực hiện các nội dung quy định chế độ đối với vận động viên, huấn luyện viên và chi tiêu tài chính các giải thể thao của tỉnh quy định tại Điều 3, 4 Quyết định này.

2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày tháng năm 2020.

3. Quyết định số 17/2012/QĐ-UBND ngày 08/10/2012 của UBND tỉnh Hưng Yên hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở, ngành: Tài chính, Văn hoá Thể thao và Du lịch, Kho bạc nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành, đoàn thể, các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 6;
- Bộ VH,TT&DL;
- Cục Kiểm tra văn bản Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, HĐND, Đoàn ĐBQH tỉnh, UBND tỉnh;
- Công Báo tỉnh;
- CSDLQG về pháp luật (Sở Tư pháp);
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Văn Phóng

Số: 128 /BC-STP

Hung Yên, ngày 17 tháng 02 năm 2020

BÁO CÁO THẨM ĐỊNH

Dự thảo Quyết định về việc quy định chế độ vận động viên, huấn luyện viên và chi tiêu tài chính các giải thể thao của tỉnh

Kính gửi: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

Ngày 07/02/2019, Sở Tư pháp nhận được Công văn số 52/CV-SVHTTDL ngày 06/02/2020 của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Cơ quan soạn thảo) "V/v đề nghị thẩm định dự thảo Quyết định của UBND tỉnh quy định một số chế độ HLV, VĐV và chi tiêu tài chính các giải thể thao tỉnh Hưng Yên" (gửi kèm: Tờ trình đề nghị ban hành Quyết định quy định một số chế độ vận động viên, huấn luyện viên và chi tiêu tài chính các giải thể thao của tỉnh (Tờ trình); dự thảo Quyết định về việc quy định chế độ vận động viên, huấn luyện viên và chi tiêu tài chính các giải thể thao của tỉnh (dự thảo Quyết định); bản tổng hợp ý kiến góp ý đối với dự thảo Quyết định; bản chụp các ý kiến góp ý đối với dự thảo Quyết định và các tài liệu khác có liên quan). Căn cứ các quy định của pháp luật về ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Sở Tư pháp (Cơ quan thẩm định) có ý kiến như sau:

I. VỀ PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG CỦA DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH

Phạm vi điều chỉnh và Đối tượng áp dụng của dự thảo Quyết định cơ bản phù hợp với quy định của pháp luật. Tuy nhiên, tại Điều 1 "**Phạm vi điều chỉnh**" đề nghị bổ sung thêm cụm từ "**của tỉnh**" vào sau cụm từ "**các giải thể thao**" và sửa thành "**các giải thể thao của tỉnh**" cho thống nhất với tên gọi và toàn bộ nội dung của dự thảo Quyết định.

II. VỀ TÍNH HỢP HIẾN, HỢP PHÁP VÀ TÍNH THỐNG NHẤT CỦA DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH VỚI HỆ THỐNG PHÁP LUẬT

Tại Điều 6 của dự thảo Quyết định quy định: "**Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2020**" là không đúng với quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015. Đề nghị cơ quan soạn thảo dự kiến lại ngày có hiệu lực của văn bản để đảm bảo không sớm hơn 10 ngày kể từ ngày ký ban hành theo đúng quy định của Khoản 1 Điều 151 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

III. VỀ SỰ PHÙ HỢP CỦA NỘI DUNG DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH VỚI CÁC VĂN BẢN CỦA CƠ QUAN NHÀ NƯỚC CẤP TRÊN

1. Để không vi phạm Khoản 2 Điều 8 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật "**không quy định lại các nội dung đã được quy định trong văn bản quy phạm pháp luật khác**", tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 3; Điểm a, b, c Khoản 1 và

Khoản 2 Điều 4 của dự thảo Quyết định, đề nghị cơ quan soạn thảo sử dụng hình thức viện dẫn, không quy định lại nội dung của Nghị quyết số 252/2019/NQ-HĐND ngày 06/12/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng Yên quy định chế độ đối với vận động viên, huấn luyện viên và chi tiêu tài chính đối với các giải thể thao.

2. Đề nghị Cơ quan soạn thảo bỏ nội dung quy định tại Khoản 4 Điều 3. Vì nội dung này đã được Nghị định số 152/2018/NĐ-CP ngày 07/11/2018 của Chính phủ quy định một số chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao trong thời gian tập trung tập huấn, thi đấu quy định và giao cho Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định chi tiết tại Điểm b Khoản 1 Điều 10.

Thực tế Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã quy định chi tiết nội dung này tại Thông tư số 18/2019/TT-BLĐTBXH ngày 08 tháng 11 năm 2019 hướng dẫn thực hiện tiền lương, tiền hỗ trợ tập huấn, thi đấu, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, chế độ khi ốm đau, thai sản, bị tai nạn lao động đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao trong thời gian tập trung tập huấn, thi đấu nên Ủy ban nhân dân tỉnh không có thẩm quyền quy định và không quy định lại nội dung này mà trực tiếp áp dụng các văn bản của cấp trên.

IV. VỀ NGÔN NGỮ, KỸ THUẬT SOẠN THẢO

1. Tại căn cứ thứ hai (tính từ trên xuống) của phần căn cứ ban hành, đề nghị cơ quan soạn thảo không trình bày nhiều căn cứ trên một dòng mà tách mỗi căn cứ trình bày riêng một dòng cho đúng với quy định tại Khoản 3 Điều 61 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Ví dụ trình bày cụ thể như sau:

“Căn cứ Luật Thể dục, Thể thao ngày 29 tháng 11 năm 2016;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, Thể thao ngày 14 tháng 6 năm 2018;”

2. Tại phần Nơi nhận: Đề nghị cơ quan soạn thảo trình bày nơi nhận là “*Thường trực tỉnh ủy*” và “*Thường trực HĐND tỉnh*” sau nơi nhận là “*Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp)*”.

V. VỀ ĐIỀU KIỆN TRÌNH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

1. Dự thảo Quyết định về việc quy định chế độ vận động viên, huấn luyện viên và chi tiêu tài chính các giải thể thao của tỉnh cơ bản đủ điều kiện trình UBND tỉnh xem xét, quyết định sau khi đã tiếp thu ý kiến thẩm định và chỉnh sửa hoàn thiện dự thảo Quyết định.

2. Đề nghị cơ quan soạn thảo tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định để chỉnh lý, hoàn thiện dự thảo Quyết định đồng thời gửi báo cáo giải trình, tiếp thu kèm theo dự thảo Quyết định đã được chỉnh lý đến Sở Tư pháp khi trình UBND tỉnh.

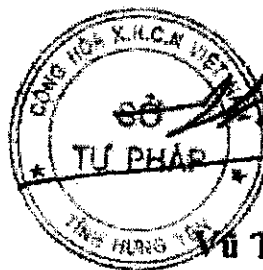
Trên đây là Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp đối với dự thảo Quyết

định về việc quy định chế độ vận động viên, huấn luyện viên và chi tiêu tài chính các giải thể thao của tỉnh, gửi Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch theo đề nghị./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (để b/c);
- Giám đốc STP (để b/c);
- Lưu: VT, XDKTVB^{Ng}.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Vũ Tuấn Anh

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH HƯNG YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 252/2019/NQ-HĐND

Hung Yên, ngày 06 tháng 12 năm 2019

NGHỊ QUYẾT

**Quy định chế độ đối với vận động viên, huấn luyện viên
và chi tiêu tài chính đối với các giải thể thao**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN
KHÓA XVI, KỲ HỌP THỨ MƯỜI**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015;

Căn cứ Luật Thể dục, thể thao năm 2006;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Thể dục, thể thao năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao;

Căn cứ Nghị định 152/2018/NĐ-CP ngày 07 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định một số chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao trong thời gian tập trung tập huấn, thi đấu;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 200/2011/TTLT-BTC-BVHTTDL ngày 30 tháng 12 năm 2011 của Bộ Trưởng Bộ Tài chính và Bộ Trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chế độ chi tiêu tài chính đối với các giải thi đấu thể thao;

Căn cứ Thông tư số 61/2018/TT-BTC ngày 26 tháng 7 năm 2018 của Bộ Trưởng Bộ Tài chính quy định nội dung và mức chi để thực hiện chế độ dinh dưỡng đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao thành tích cao;

Xét Tờ trình số 202/TTr-UBND ngày 04 tháng 12 năm 2019 của UBND tỉnh quy định một số chế độ đối với vận động viên, huấn luyện viên và chi tiêu tài chính các giải thể thao tỉnh Hưng Yên; Báo cáo thẩm tra số 627/BC-VHXH ngày 04 tháng 12 năm 2019 của Ban Văn hóa - Xã hội; ý kiến thảo luận và kết quả biểu quyết của các vị đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành Quy định một số chế độ đối với vận động viên, huấn luyện viên và chi tiêu tài chính các giải thể thao

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định nội dung và mức chi để thực hiện chế độ đối với vận động viên, huấn luyện viên và chi tiêu tài chính đối với các giải thể thao.

2. Đối tượng áp dụng

a) Vận động viên, huấn luyện viên thể thao đang tập luyện, huấn luyện tại Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu thể dục thể thao; các đội tuyển thể thao tỉnh, đội tuyển thể thao các huyện, thị xã, thành phố, ngành và cơ sở.

b) Vận động viên, huấn luyện viên thể thao làm nhiệm vụ tại các giải thể thao gồm: Đại hội thể dục thể thao toàn quốc, giải vô địch quốc gia từng môn hàng năm; giải thi đấu vô địch trẻ quốc gia, giải cúp quốc gia, giải vô địch các nhóm tuổi, giải thiếu niên nhi đồng, giải A1, hạng nhất, hạng nhì hàng năm từng môn thể thao; giải thi đấu, trận thi đấu do liên đoàn, hiệp hội thể thao quốc gia tổ chức; giải thi đấu thể thao quần chúng, giải thể thao cho người khuyết tật cấp quốc gia; giải thi đấu vô địch từng môn thể thao cấp tỉnh; giải thi đấu, trận thi đấu thể thao thành tích cao khác do liên đoàn thể thao cấp tỉnh tổ chức.

c) Thành viên Ban chỉ đạo, Ban Tổ chức và các tiểu ban chuyên môn đại hội thể dục thể thao, Hội khỏe Phù Đổng và giải thể thao các cấp.

d) Trọng tài, giám sát, thư ký điều hành các trận đấu; công an, y tế, bảo vệ, nhân viên phục vụ và các lực lượng khác liên quan tại các điểm tổ chức thi đấu.

Điều 2. Quy định chế độ đối với vận động viên, huấn luyện viên thể dục thể thao trên địa bàn tỉnh như sau

1. Nội dung chi và mức chi thực hiện chế độ dinh dưỡng

a) Mức chi đối với vận động viên, huấn luyện viên thể thao thành tích cao trong thời gian tập trung tập huấn và thi đấu các giải thể thao khu vực, toàn quốc; vận động viên khuyết tật thuộc địa phương quản lý khi được cấp có thẩm quyền triệu tập tập huấn và thi đấu

(Đơn vị: đồng/người/ngày)

TT	Đối tượng hưởng	Mức chi	
		Trong thời gian tập trung tập huấn	Trong thời gian tập trung thi đấu
1	Đội tuyển tỉnh	220.000	290.000
2	Đội tuyển trẻ tỉnh	175.000	220.000
3	Đội tuyển năng khiếu cấp tỉnh	130.000	220.000

4	Đội tuyển cấp huyện	130.000	220.000
5	Đội tuyển năng khiếu cấp huyện	130.000	220.000

- Vận động viên, huấn luyện viên tham gia giải thể thao quần chúng cấp quốc gia; vận động viên, huấn luyện viên các đội tuyển của ngành Giáo dục và Đào tạo tham gia tập huấn và thi đấu các giải vô địch và Hội khoẻ Phù Đổng toàn quốc được hưởng chế độ như đội tuyển trẻ cấp tỉnh.

- Trong thời gian tập trung tập huấn, thi đấu các giải thể thao khu vực và toàn quốc, vận động viên, huấn luyện viên được hưởng mức chi thực hiện chế độ dinh dưỡng theo quy định của điều lệ tổ chức giải thì không được hưởng mức ăn hàng ngày.

b) Đối với vận động viên, huấn luyện viên Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu thể dục thể thao trong thời gian tập luyện, huấn luyện và vận động viên, huấn luyện viên các lớp năng khiếu thể thao nghiệp dư nâng cao của tỉnh.

- Vận động viên, huấn luyện viên Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu thể dục thể thao tỉnh:

(Đơn vị: đồng/người/ngày)

TT	Đối tượng hưởng	Mức chi
1	Vận động viên được phong cấp kiện tướng, cấp I; Vận động viên đội Bóng chuyền hạng A1, đội mạnh	175.000
2	Vận động viên không có đẳng cấp	130.000
3	Huấn luyện viên trực tiếp huấn luyện	150.000

- Vận động viên, huấn luyện viên các lớp năng khiếu thể thao nghiệp dư nâng cao của tỉnh, thời gian hưởng tối đa không quá 03 ngày/tuần:

(Đơn vị: đồng/người/ngày)

TT	Đối tượng hưởng	Mức chi
1	Vận động viên	50.000
2	Huấn luyện viên	100.000

2. Nội dung và mức chi hỗ trợ, ưu đãi đối với vận động viên, huấn luyện viên lập thành tích cao khi thi đấu tại các giải thể thao quốc gia, khu vực, quốc tế

a) Vận động viên đạt đẳng cấp quốc gia:

- Vận động viên kiện tướng: 2,5 lần mức lương cơ sở/tháng
- Vận động viên dự bị kiện tướng và cấp I: 2,0 lần mức lương cơ sở/tháng

b) Vận động viên đạt huy chương vàng Đại hội thể dục thể thao toàn quốc, phá kỷ lục quốc gia, đạt huy chương vàng Đại hội thể dục thể thao Đông Nam Á (Seagame), vô địch Đông Nam Á trở lên: hỗ trợ 3,0 lần mức lương cơ sở/tháng trong 12 tháng kể từ sau khi có quyết định hoặc giấy chứng nhận thành tích.

c) Hỗ trợ sinh hoạt phí dành cho vận động viên được Tổng cục Thể dục thể thao triệu tập tập trung, tập huấn đội dự tuyển quốc gia, tuyển trẻ quốc gia; vận động viên có nhiều cống hiến thành tích thể thao cho tỉnh trong thời gian vừa tham gia tập luyện, thi đấu vừa tham gia học tập tích lũy hệ đại học chuyên ngành thể dục thể thao: 50.000 đồng/người/ngày (trừ ngày nghỉ lễ, tết và Chủ nhật).

d) Chế độ thưởng đối với đội bóng đá chuyên nghiệp

- Thưởng cho mỗi trận thắng khi thi đấu tại giải hạng nhất quốc gia, giải vô địch quốc gia (V.League): 50.000.000 đồng/trận;

- Thưởng khi đạt thắng hạng thi đấu vô địch quốc gia (V.League) là 500.000.000 đồng.

đ) Chế độ thưởng đối với đội bóng đá nhi đồng của tỉnh tham dự thi đấu vòng chung kết toàn quốc; đội bóng chuyên nữ đội mạnh của tỉnh tham dự giải quốc gia:

- Thưởng cho mỗi trận thắng trước vòng Bán kết: 50.000.000 đồng/trận;

- Thưởng cho trận thắng vòng Bán kết: 100.000.000 đồng/trận;

- Thưởng khi giành giải Vô địch là 300.000.000 đồng.

e) Thưởng cho vận động viên của tỉnh giành huy chương vàng, huy chương bạc, huy chương đồng tại các giải thi đấu quốc tế (Thế giới, Châu Á, Đông Nam Á), ngoài các chế độ thưởng của Trung ương, được tỉnh thưởng thêm bằng 30% mức thưởng của Trung ương.

Điều 3. Quy định chế độ chi tiêu tài chính đối với các giải thi đấu thể thao của tỉnh như sau

1. Tại Đại hội Thể dục thể thao cấp tỉnh, giải thể thao cấp tỉnh, Hội khỏe Phù Đổng cấp tỉnh

a) Tiền ăn của Ban Chỉ đạo, Ban Tổ chức, các tiểu ban chuyên môn, trọng tài, giám sát điều hành, thư ký các giải trong quá trình tổ chức giải (bao gồm cả thời gian tối đa 02 ngày trước ngày thi đấu để làm công tác chuẩn bị tổ chức giải, tập huấn trọng tài và 01 ngày sau thi đấu): 150.000 đồng/người/ngày.

b) Tiền làm nhiệm vụ

(Đơn vị: đồng/người/ngày)

TT	Đối tượng hưởng	Mức chi
1	Ban Chỉ đạo, Ban Tổ chức, Trưởng, phó các tiểu ban chuyên môn	95.000
2	Thành viên tiểu ban chuyên môn	70.000
3	Giám sát, trọng tài chính	70.000
4	Thư ký, trọng tài khác	60.000
5	Công an, y tế; lực lượng làm nhiệm vụ trật tự, bảo vệ, nhân viên phục vụ	50.000

- Trường hợp tiền làm nhiệm vụ được tính theo buổi thi đấu hoặc trận thi đấu thì mức thanh toán được tính theo thực tế nhưng không quá 3 buổi hoặc 3 trận đấu/người/ngày.

- Đối với các đối tượng thuộc diện hưởng lương từ NSNN đã được đảm bảo chế độ chi tiền ăn trong thời gian tham dự giải thi đấu thể thao của tỉnh thì không được thanh toán phụ cấp tiền lưu trú công tác phí theo quy định tại chế độ công tác phí hiện hành trong thời gian tham dự giải thi đấu thể thao.

c) Tổ chức đồng diễn, diễu hành đối với Đại hội Thể dục thể thao cấp tỉnh, Hội khoẻ Phù Đổng cấp tỉnh

- Mức chi sáng tác, dàn dựng, đạo diễn các màn đồng diễn: Căn cứ theo hợp đồng kinh tế giữa Ban tổ chức Đại hội Thể dục thể thao cấp tỉnh, Hội khoẻ Phù Đổng cấp tỉnh với các cá nhân, tổ chức theo quy định pháp luật.

- Bồi dưỡng đối tượng tham gia đồng diễn, diễu hành, xếp hình, xếp chữ

(Đơn vị: đồng/người/ngày)

TT	Đối tượng hưởng	Mức chi
1	Người tham gia tập luyện	35.000
2	Người tham gia tổng duyệt (tối đa 2 buổi)	45.000
3	Người tham gia biểu diễn chính thức	80.000
4	Giáo viên quản lý, hướng dẫn	70.000

2. Tại Đại hội Thể dục thể thao, giải thể thao do cấp huyện, ngành và cơ sở tổ chức

Mức chi đối với đại hội thể dục thể thao, giải thể thao do cấp huyện, ngành và cơ sở tổ chức tùy theo điều kiện kinh phí của cấp huyện, ngành và cơ sở nhưng không

vượt quá 75% chế độ quy định của cấp tỉnh đối với cấp huyện, ngành và không vượt quá 50% chế độ quy định của cấp tỉnh đối với cấp cơ sở.

Điều 4. Nguồn kinh phí thực hiện

1. Nguồn kinh phí thực hiện từ ngân sách nhà nước trong dự toán kinh phí được cấp có thẩm quyền giao hàng năm.

2. Việc sử dụng kinh phí thực hiện các chế độ quy định tại Nghị quyết này được thực hiện theo các quy định hiện hành.

Điều 5. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng Yên khóa XVI - kỳ họp thứ Mười thông qua ngày 06 tháng 12 năm 2019 và có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 12 năm 2019.

2. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 36/2010/NQ-HĐND ngày 24/3/2010 của HĐND tỉnh khóa XIV về việc quy định chế độ đối với vận động viên, huấn luyện viên và chi tiêu tài chính đối với các giải thi đấu thể thao của tỉnh; bãi bỏ Khoản 1, Điều 14 Quy định hỗ trợ đối với cán bộ, công chức, viên chức được cử đi đào tạo sau đại học, mức thưởng khuyến khích ưu đãi tài năng và thu hút nhân tài ban hành kèm theo Nghị quyết số 115/2017/NQ-HĐND ngày 21/11/2017 của HĐND tỉnh Hưng Yên.

3. Các nội dung liên quan đến chế độ, chính sách đối với vận động viên, huấn luyện viên không quy định tại Nghị quyết này thực hiện theo quy định hiện hành.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các vị đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết này./.

CHỦ TỊCH

Đỗ Xuân Tuyên

TỜ TRÌNH

Về việc xếp hạng và thực hiện chế độ phụ cấp chức vụ lãnh đạo

đối với Trung tâm Bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh Hưng Yên
trực thuộc Sở Y tế Hưng Yên

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HUNG YÊN	
C.V ĐẾN	Số: 5713
	Ngày: 24/4/2020
	Chuyên: Chuộc
	Lưu hồ sơ:

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên.

vp bhw lyp UB

Theo đề nghị của Sở Y tế tại Công văn số 522/SYT-NVY ngày 31/3/2019 về việc đề nghị thẩm định xếp hạng Trung tâm Bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh Hưng Yên.

Căn cứ Quyết định số 181/2005/QĐ-TTg ngày 19/7/2005 của Thủ tướng Chính phủ quy định về phân loại, xếp hạng các tổ chức sự nghiệp, dịch vụ công lập; Thông tư số 23/2005/TT-BYT ngày 25/8/2005 của Bộ Y tế hướng dẫn xếp hạng các đơn vị sự nghiệp y tế; các Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh: số 23/2019/QĐ-UBND ngày 27/6/2019 hợp nhất Phòng Khám - Quản lý sức khỏe và Viện Điều dưỡng - Phục hồi chức năng cán bộ tỉnh trực thuộc Ban Bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh và chuyển giao về trực thuộc Sở Y tế quản lý và số 06/2015/QĐ-UBND ngày 09/3/2015 về việc ban hành quy định về phân cấp quản lý công tác tổ chức, cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Hưng Yên.

Sau khi thẩm định, Sở Nội vụ trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định về việc xếp hạng và thực hiện chế độ phụ cấp chức vụ lãnh đạo đối với Trung tâm Bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh Hưng Yên trực thuộc Sở Y tế, như sau:

- Về hạng của Trung tâm Bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh Hưng Yên
Căn cứ điểm số và xếp hạng đơn vị sự nghiệp y tế quy định tại Mục C Phần II Thông tư số 23/2005/TT-BYT, Trung tâm Bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh Hưng Yên đủ điểm được xếp vào hạng III (hạng ba), kể từ ngày 01/6/2020 (có Bảng kết quả phân tích, chấm điểm xếp hạng kèm theo)
- Mức phụ cấp chức vụ lãnh đạo và thời hạn thực hiện việc xếp lại hạng đối với Trung tâm Bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh Hưng Yên.
 - Mức phụ cấp chức vụ lãnh đạo của Trung tâm Bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh Hưng Yên (bao gồm các chức vụ: Giám đốc, Phó Giám đốc, Trưởng phòng và các chức vụ tương đương; Phó trưởng phòng và các chức vụ tương đương) thực hiện theo quy định tại Mục D Phần II Thông tư số 23/2005/TT-BYT.

b) Sau 05 năm (đủ 60 tháng) kể từ ngày quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc xếp hạng Trung tâm Bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh Hưng Yên có hiệu lực, Giám đốc Trung tâm Bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh Hưng Yên có trách nhiệm lập hồ sơ đề nghị Sở Y tế chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định xếp lại hạng và thực hiện chế độ phụ cấp chức vụ lãnh đạo đối với Trung tâm theo quy định.

(Có Dự thảo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh kèm theo)

Sở Nội vụ kính trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định. /.

Nơi nhận: *Ưu*

- Như trên;
- Sở Y tế;
- Lãnh đạo Sở Nội vụ;
- Phòng TCBCTCPCP (2);
- Lưu: VT.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thị Thiệu Hương

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HUNG YÊN

Số:

DỰ THẢO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hung Yên, ngày tháng năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc xếp hạng và thực hiện chế độ phụ cấp chức vụ lãnh đạo
đối với Trung tâm Bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh Hưng Yên
trực thuộc Sở Y tế Hưng Yên

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HUNG YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

*Căn cứ Quyết định số 181/2005/QĐ-TTg ngày 19/7/2005 của Thủ tướng
Chính phủ quy định về phân loại, xếp hạng các tổ chức sự nghiệp, dịch vụ công lập;*

*Căn cứ Thông tư số 23/2005/TT-BYT ngày 25/8/2005 của Bộ Y tế hướng
dẫn xếp hạng các đơn vị sự nghiệp y tế;*

*Căn cứ Quyết định số 06/2015/QĐ-UBND ngày 09/3/2015 của Ủy ban
nhân dân tỉnh về việc ban hành quy định về phân cấp quản lý công tác tổ chức,
cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Hưng Yên;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số /TTr-SNV ngày
/4/2020.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Xếp hạng III (hạng ba) đối với Trung tâm Bảo vệ, chăm sóc sức
khỏe cán bộ tỉnh Hưng Yên trực thuộc Sở Y tế Hưng Yên, kể từ ngày 01/6/2020.

Điều 2. Mức phụ cấp chức vụ lãnh đạo và thời hạn thực hiện việc xếp lại
hạng đối với Trung tâm Bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh Hưng Yên.

a) Mức phụ cấp chức vụ lãnh đạo của Trung tâm Bảo vệ, chăm sóc sức
khỏe cán bộ tỉnh Hưng Yên (bao gồm các chức vụ: Giám đốc, Phó Giám đốc,
Trưởng phòng và các chức vụ tương đương; Phó trưởng phòng và các chức vụ
tương đương) thực hiện theo quy định tại Mục D Phần II Thông tư số
23/2005/TT-BYT.

b) Sau 05 năm (đủ 60 tháng) kể từ ngày quyết định của Ủy ban nhân dân
tỉnh về việc xếp hạng Trung tâm Bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh Hưng
Yên có hiệu lực, Giám đốc Trung tâm Bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh
Hưng Yên có trách nhiệm lập hồ sơ đề nghị Sở Y tế chủ trì, phối hợp với Sở Nội

vụ thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định xếp lại hạng và thực hiện chế độ phụ cấp chức vụ lãnh đạo đối với Trung tâm theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở, Ngành: Nội vụ, Y tế, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Kho bạc Nhà nước tỉnh; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và Giám đốc Trung tâm Bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh Hưng Yên chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Bộ Y tế;
- Bộ Nội vụ;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, CVNC.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Văn Phóng

CÁC TIÊU CHUẨN VÀ BẢNG KẾT QUẢ PHÂN TÍCH, CHĂM ĐIỂM XẾP HẠNG
ĐỐI VỚI TRUNG TÂM BẢO VỆ, CHĂM SÓC SỨC KHỎE CÁN BỘ TỈNH HƯNG YÊN TRỰC THUỘC SỞ Y TẾ HƯNG YÊN
(Kèm theo Tờ trình số /TT-SNV ngày /4/2020 của Sở Nội vụ tỉnh Hưng Yên)

Stt	Các tiêu chuẩn	Kết quả phân tích, chấm điểm				Ghi chú
		Theo quy định tại Thông tư số 23/2005/TT-BYT	Trung tâm Bảo vệ, Chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh Hưng Yên tự chấm	Sở Y tế chấm	Sở Nội vụ chấm	
1	2	3	4	5	6	7
A	Nhóm tiêu chuẩn và các tiêu chuẩn					
	Tổng số điểm					
I	Nhóm tiêu chuẩn I: Vị trí, chức năng và nhiệm vụ:	100	63	54,5	51	
1	Vị trí, chức năng, chỉ đạo kĩ thuật:	10	7	4,5	3	
	Phạm vi quốc gia, khu vực (vùng, miền)	5	3	3	3	
	Phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, ngành	5	3	3	3	
	Phạm vi quận, huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh	3	3	3	3	
2	Đào tạo cán bộ (là cơ sở thực hành):	1				
	Đại học và sau đại học	2	2	0,5	0	
	Trung học	2	2			
	Sơ học	1,5				
	Thực hiện tự đào tạo liên tục trong bệnh viện	1				
3	Nghiên cứu khoa học:	0,5		0,5	0	
	Đề tài cấp Nhà nước	3	2	1	0	
	Đề tài cấp bộ, tỉnh, thành phố trực thuộc TW	3				
	Đề tài cấp cơ sở	2	2			
II	Nhóm tiêu chuẩn II: Quy mô và nội dung hoạt động:	1		1	0	
1	Số giường bệnh kế hoạch:	20	8,5	6	5	
	Từ 900 giường trở lên	10	1,5	1,5	1,5	
	Từ 500 đến dưới 900 giường	10				
	Từ 300 đến dưới 500 giường	7				
	Từ 100 đến 300 giường	5				
		3				

Stt	Các tiêu chuẩn	Kết quả phân tích, chấm điểm				Ghi chú
		Theo quy định tại Thông tư số 23/2005/TT-BYT	Trung tâm Bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh Hưng Yên tự chấm	Số Y tế chấm	Số Nội vụ chấm	
	Dưới 100 giường	1,5	1,5	1,5	1,5	
2	Công suất sử dụng giường bệnh:	4	2	2	2	
a	Đạt từ 85% trở lên và ngày điều trị trung bình	4				
	Dưới 7/11/14 ngày đối với BV huyện/ tỉnh/ trung ương	3				
	Từ 7-8/11-12/14-15 ngày đối với BV huyện/ tỉnh/ trung ương	2	2	2	2	
	Trên 8/12/15 ngày đối với BV huyện/ tỉnh/ trung ương	1,5				
b	Đạt từ 60 đến dưới 85% và ngày điều trị trung bình dưới 7/11/14 ngày đối với BV huyện/ tỉnh/ trung ương	1				
c	Không đáp ứng các tiêu chuẩn a, b trên	3	2	1	0	
3	Tỷ lệ người bệnh nội trú thuộc đối tượng chăm sóc Cấp một:	3				
	Từ 25% số người bệnh nội trú trở lên	3	2			
	Từ 15 đến 24% số người bệnh nội trú	1,5				
	Dưới 15% số người bệnh nội trú	1				
	Dưới 10% số người bệnh nội trú	3	3	1,5	1,5	
4	Tổ chức chăm sóc người bệnh:	3	3			
	Từ 50% số khoa trở lên tổ chức chăm sóc toàn diện	3	3			
	Dưới 50% số khoa tổ chức chăm sóc toàn diện	1,5		1,5	1,5	
III	Nhóm tiêu chuẩn III: Cơ cấu lao động, trình độ cán bộ:	30	22,5	21	21	
1	Cơ cấu lao động:	5	3,5	3,5	3,5	
a	- Đảm bảo tuyển đủ lao động theo định biên	2	2	2	2	
	- Không tuyển đủ	1				
b	Tỷ lệ Điều dưỡng trên 1 Bác sỹ ở các khoa lâm sàng	2				
	- Từ 2 trở lên	1	1	1	1	
	- Dưới 2	1	1	1	1	
c	Tỷ lệ cán bộ chuyên môn của khu vực lâm sàng, cận lâm sàng và dược	1				
	- Từ 75% tổng số cán bộ, viên chức trở lên	0,5	0,5	0,5	0,5	
	- Dưới 75% tổng số cán bộ, viên chức					

Stt	Các tiêu chuẩn	Kết quả phân tích, chấm điểm				Ghi chú
		Theo quy định tại Thông tư số 23/2005/TT-BYT	Trung tâm Bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh Hưng Yên tự chấm	Sở Y tế chấm	Sở Nội vụ chấm	
2	Giám đốc:					
a	Trình độ chuyên môn sau đại học; có bằng chính trị cử nhân, cao cấp hay trung cấp; có chứng chỉ về quản lý hành chính hoặc quản lý BV; ngoại ngữ trình độ C trở lên	3	3	3	3	
b	Không đáp ứng tiêu chuẩn trên					
3	Các Phó giám đốc:					
a	100% có trình độ chuyên môn sau đại học; có bằng chính trị cử nhân, cao cấp hay trung cấp; có bằng/ chứng chỉ về quản lý hành chính, quản lý BV; ngoại ngữ trình độ C trở lên	2	2	1	1	
b	Không đáp ứng tiêu chuẩn trên					
4	Các trưởng phòng và phó trưởng phòng:					
a	Từ 50% trở lên có trình độ sau đại học, còn lại là đại học	4	4	3,5	3,5	
	Dưới 50% có trình độ sau đại học, còn lại là đại học	2	2			
	Không đáp ứng các tiêu chuẩn trên	1,5		1,5	1,5	
b	Từ 20% trở lên có bằng/ chứng chỉ về quản lý hành chính hay quản lý bệnh viện	1	1	1	1	
	Dưới 20% có bằng/ chứng chỉ về quản lý hành chính hay quản lý bệnh viện	0,5				
c	Từ 20% trở lên có bằng/ chứng chỉ chính trị trung cấp hoặc cao hơn	0,5	0,5	0,5	0,5	
d	Từ 20% trở lên có bằng/ chứng chỉ ngoại ngữ trình độ B hoặc cao hơn	0,5	0,5	0,5	0,5	
5	Các trưởng khoa và phó trưởng khoa:					
a	Từ 60% trở lên có trình độ Tiến sĩ/ Chuyên khoa 2, còn lại là đại học	4				
	Dưới 60% có trình độ sau đại học, còn lại là đại học	3				
	100% có trình độ đại học	2				
b	Từ 60% trở lên có chứng chỉ ngoại ngữ trình độ B hay cao hơn	1				
	Dưới 60% trở lên có chứng chỉ ngoại ngữ trình độ B hay cao hơn	1				
6	Điều dưỡng/ Nữ hộ sinh/ Kỹ thuật viên trưởng các khoa lâm sàng:					
a	Từ 15% trở lên có trình độ cao đẳng, đại học, còn lại là trung học	0,5	3,5	3,5	3,5	
	Dưới 15% có trình độ cao đẳng, đại học, còn lại là trung học	4	3	3	3	
	100% có trình độ trung học	3				
	100% có trình độ trung học	2				
	100% có trình độ trung học	1				

Stt	Các tiêu chuẩn	Kết quả phân tích, chấm điểm				Ghi chú
		Theo quy định tại Thông tư số 23/2005/TT-BYT	Trung tâm Bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh Hưng Yên tự chấm	Sở Y tế chấm	Sở Nội vụ chấm	
b	Từ 30% trở lên có chứng chỉ ngoại ngữ trình độ B hay cao hơn	1				
	Dưới 30% có chứng chỉ ngoại ngữ trình độ B hay cao hơn	0,5	0,5	0,5	0,5	
7	Các thầy thuốc điều trị ở các khoa lâm sàng:	4	2,5	2,5	2,5	
a	Trên 50% có trình độ sau đại học, còn lại là đại học	3				
	Từ 20% đến 50% có trình độ sau đại học, còn lại là đại học	2	2	2	2	
	Dưới 20% có trình độ sau đại học, còn lại là đại học	1,5				
	Các trường hợp không đáp ứng các tiêu chuẩn trên	1				
b	Từ 60% trở lên có bằng/chứng chỉ ngoại ngữ trình độ B hoặc cao hơn	1				
	Dưới 60% có bằng/chứng chỉ ngoại ngữ trình độ B hoặc cao hơn	0,5	0,5	0,5	0,5	
8	Điều dưỡng, Nữ hộ sinh, Kỹ thuật viên thực hành ở các khoa lâm sàng:	4	4	4	4	
a	Từ 10% trở lên có trình độ cao đẳng, đại học, còn lại là trung học	3	3	3	3	
	Dưới 10% có trình độ cao đẳng, đại học, còn lại là trung học	2				
	100% có trình độ trung học	1,5				
	Các trường hợp không đáp ứng các tiêu chuẩn trên	1				
b	Từ 30% trở lên có bằng/chứng chỉ ngoại ngữ trình độ A trở lên	1	1	1	1	
	Dưới 30% có bằng/ chứng chỉ ngoại ngữ trình độ A trở lên	0,5				
IV	Nhóm tiêu chuẩn IV: Khả năng chuyên môn, kĩ thuật:	20	8	8	8	
1	Xét nghiệm huyết học:	2	1	1	1	
	Thực hiện được đầy đủ các xét nghiệm thuộc chuyên khoa	2				
	Không đầy đủ	1	1	1	1	
2	Xét nghiệm hoá sinh:	2	1	1	1	
	Thực hiện được đầy đủ các xét nghiệm thuộc chuyên khoa	2				
	Không đầy đủ	1	1	1	1	
3	Xét nghiệm vi sinh:	2	1	1	1	
	Thực hiện được đầy đủ các xét nghiệm thuộc chuyên khoa	2				
	Không đầy đủ	1	1	1	1	
4	Chân đoán hình ảnh:	2	1	1	1	

Stt	Các tiêu chuẩn	Kết quả phân tích, chấm điểm				Ghi chú
		Theo quy định tại Thông tư số 23/2005/TT-BYT	Trung tâm Bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh Hưng Yên tự chăm	Sở Y tế chăm	Sở Nội vụ chăm	
	Thực hiện được các kỹ thuật thuộc chuyên khoa	2				
	Không đầy đủ					
5	Chẩn đoán giải phẫu bệnh:	1	1	1	1	
	Thực hiện sinh thiết và xét nghiệm vi thể	2				
	Thực hiện khám nghiệm tử thi khi người bệnh tử vong	1				
6	Phẫu thuật, thủ thuật:	1				
	Thực hiện được tất cả các loại phẫu thuật, thủ thuật	5	1	1	1	
	Thực hiện các phẫu thuật, thủ thuật từ Loại 1 trở xuống	5				
	Thực hiện các phẫu thuật, thủ thuật từ Loại 1 trở xuống	4				
	Thực hiện các phẫu thuật, thủ thuật từ Loại 2 trở xuống	4				
	Chỉ thực hiện các phẫu thuật, thủ thuật Loại 3	3				
7	Chẩn đoán, điều trị:	1	1	1	1	
	Tiếp nhận, chẩn đoán và điều trị tất cả các bệnh theo các chuyên khoa	5	3	3	3	
	Còn một số bệnh chuyên khoa sâu phải chuyển các BV tuyến TW	5				
	Hầu hết các bệnh chuyên khoa phải chuyển các BV tuyến trên (tuyến tỉnh, tuyến TW)	4				
	Chỉ điều trị các bệnh thông thường, còn lại hầu hết phải chuyển tuyến trên (tuyến tỉnh, tuyến TW)	3	3	3	3	
	tuyến TW)	1				
V	Nhóm tiêu chuẩn V: Cơ sở hạ tầng, trang thiết bị:	1				
	Nhà xây cấp II trở lên; Kiến trúc theo tiêu chuẩn xây dựng, đảm bảo cơ cấu, dây truyền hoạt động;	20	17	15	14	
1	<i>Không đáp ứng đầy đủ các tiêu chí trên</i>	5	5			
		3		3	3	
2	Khu kỹ thuật (phòng mổ, hồi sức, phòng đẻ, phòng thực hiện các thủ thuật, kỹ thuật, phòng X quang...) đáp ứng tiêu chuẩn thiết kế, xây dựng	2	2	2	2	
	<i>Không đáp ứng đầy đủ</i>	1				
	Đảm bảo điều kiện và tiện nghi tại các khoa, buồng bệnh:	2	2	2	2	

Stt	Các tiêu chuẩn	Kết quả phân tích, chấm điểm				Ghi chú
		Theo quy định tại Thông tư số 23/2005/TT-BYT	Trung tâm Bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh Hưng Yên tự chấm	Sở Y tế chấm	Sở Nội vụ chấm	
3	<ul style="list-style-type: none"> - Có nước sạch, có công trình vệ sinh đảm bảo - Khoa Hồi sức cấp cứu, Phòng đẻ, Phòng phẫu thuật, thủ thuật, Xét nghiệm, Chẩn đoán hình ảnh có điều hòa nhiệt độ - Phòng hồi sức cấp cứu, Phòng đẻ, Phòng phẫu thuật có phương tiện gọi trực khẩn cấp - Đủ phương tiện chiếu sáng, có đủ quạt máy tại các buồng bệnh 	1				
	<i>Không đầy đủ các tiêu chí trên</i>					
4	Có hệ thống điện ưu tiên, an toàn, có máy phát điện dự trữ	1	1	1	1	
5	Đường giao thông nội bộ đảm bảo vệ sinh, an toàn và thuận lợi khi vận chuyển	1	1	1	1	
6	Đảm bảo cung cấp đủ nước sạch	1	1	1	1	
7	Có hệ thống xử lý chất thải rắn, chất thải lỏng toàn bệnh viện đang hoạt động	1	1	1	0	
8	Có ứng dụng công nghệ thông tin trong chuyên môn, quản lý, thống kê bệnh tật	1	1	1	1	
9	Có khoa chống nhiễm khuẩn và thực hiện sát khuẩn tập trung toàn bệnh viện	1	0	0	0	
10	Trang thiết bị y tế:	5				
	<i>-Đảm bảo đủ theo danh mục quy định đối với loại bệnh viện</i>	5				
	<i>-Không đầy đủ theo danh mục</i>	3	3	3	3	3